

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài
trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 131/2007/QĐ-TTg ngày 09/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam, bao gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập quy hoạch đô thị (sau đây gọi chung là lập quy hoạch xây dựng), khảo sát xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và một số dịch vụ tư vấn xây dựng khác.

2. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với hướng dẫn tại Thông tư này thì thực hiện theo các quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng và các dịch vụ tư vấn tại các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thuê tư vấn nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn lập quy hoạch xây dựng và các dịch vụ tư vấn tại các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng các hướng dẫn của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tư vấn nước ngoài” là tổ chức tư vấn được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, có cơ sở thường trú (hoặc không có cơ sở thường trú) tại Việt Nam hoặc cá nhân người nước ngoài thực hiện các dịch vụ tư vấn trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2. “Cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng” là cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng;

Điều 4. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài

1. Chi phí thuê tư vấn nước ngoài được xác định phù hợp với cách thức, đặc điểm công việc cần thuê tư vấn và yêu cầu quản lý chi phí của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng.

2. Chi phí thuê tư vấn nước ngoài phải được xác định đúng, đủ và phù hợp khả năng nguồn vốn sử dụng hoặc khả năng chi trả của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng.

3. Chi phí thuê tư vấn nước ngoài được xác định phải phù hợp với loại công việc tư vấn, trình độ chuyên gia tư vấn, mức tiền lương của chuyên gia tư vấn của quốc gia và khu vực dự kiến thuê, đồng thời bảo đảm tính cạnh tranh, tính hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình, tính khả thi của đồ án quy hoạch xây dựng.

4. Việc xác định chi phí thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài phải phù hợp với các quy định của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

5. Chi phí thuê tư vấn nước ngoài được quản lý trên cơ sở thoả thuận giữa chủ đầu tư hoặc cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng với tư vấn nước ngoài thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng thuê tư vấn.

6. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả chi phí thuê tư vấn nước ngoài.

Chương II

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THUÊ TƯ VẤN NƯỚC NGOÀI

Điều 5. Dự tính chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong tổng mức đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch xây dựng

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng phải xác định (dự tính trước) chi phí thuê tổ chức tư vấn nước ngoài trên cơ sở khối lượng và loại công việc tư vấn cần thuê tư vấn nước ngoài thực hiện.

2. Tùy theo điều kiện cụ thể của dự án đầu tư xây dựng công trình, của đồ án quy hoạch xây dựng, chi phí thuê tư vấn nước ngoài được dự tính theo một trong các cách sau:

a) Theo chi phí loại công việc tư vấn của dự án đầu tư xây dựng, của đồ án quy hoạch xây dựng có tính chất tương tự do tư vấn nước ngoài đã hoặc đang thực hiện tại Việt Nam.

b) Theo định mức tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị (hoặc chi phí xây dựng) đơn giá một đơn vị diện tích (hoặc dân số) của đồ án quy hoạch có tính chất tương tự do tư vấn nước ngoài đã hoặc đang thực hiện tại Việt Nam.

c) Dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài được xác định theo cách lập dự toán tháng-người (hoặc ngày-người) trên cơ sở cơ cấu, số lượng từng loại chuyên gia, tiền lương chuyên gia và các chi phí khác cần thiết phục vụ cho việc thực hiện công việc tư vấn.

d) Kết hợp các cách xác định nêu trên.

Điều 6. Xác định chi phí thuê tư vấn nước ngoài làm cơ sở lựa chọn nhà thầu tư vấn nước ngoài

1. Xác định giá gói thầu thuê tư vấn nước ngoài khi lập kế hoạch đấu thầu:

a) Giá gói thầu thuê tư vấn nước ngoài được xác định trên cơ sở chi phí thuê tư vấn nước ngoài đã dự tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình, nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng.

b) Trường hợp tại thời điểm tổ chức đấu thầu, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng cần xác định chính xác hơn giá gói thầu (đã xác định theo cách thức tại điểm a trên) để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà thầu thì căn cứ trên cơ sở các điều kiện cụ thể trong hồ sơ mời thầu và các thông tin liên quan, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch có thể tổ chức lập dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài và phê duyệt để làm cơ sở xem xét kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn.

2. Xác định dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài:

a) Đối với các gói thầu thuê tư vấn nước ngoài thực hiện chỉ định thầu, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phải tổ chức xác định dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài.

b) Dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài được xác định theo cách lập dự toán tháng-người (hoặc ngày-người) trên cơ sở cơ cấu, số lượng từng loại chuyên gia, tiền lương chuyên gia và các chi phí khác cần thiết phục vụ cho việc thực hiện tư vấn.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xác định cơ cấu, số lượng chuyên gia phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ thuê tư vấn nước ngoài và bảo đảm hiệu quả đầu tư xây dựng. Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thực hiện có thể thuê tư vấn thực hiện. Nội dung chi tiết cách xác định dự toán tháng-người (hoặc ngày-người) theo hướng dẫn trong Phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp nhà thầu tư vấn nước ngoài là tác giả của phương án thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình hoặc phương án quy hoạch xây dựng được lựa chọn và được chỉ định để thực hiện các công việc tư vấn tiếp theo của dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc của đồ án quy hoạch xây dựng thì nhà thầu tư vấn nước ngoài có thể đề xuất, lập dự toán gói thầu theo cách lập dự toán tháng-người (hoặc ngày-người) để chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổ chức thẩm tra, thẩm định và phê duyệt. Giá đề xuất, lập dự toán gói thầu trên không được vượt giá đã đề xuất trong phương án thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình hoặc phương án quy hoạch xây dựng được lựa chọn (nếu có).

Điều 7. Xác định giá hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài

1. Giá hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài được xác định trên cơ sở đề xuất tài chính (đề xuất chi phí thực hiện công việc tư vấn) của nhà thầu tư vấn nước ngoài, kết quả đàm phán hợp đồng giữa chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch với nhà thầu tư vấn nước ngoài và giá gói thầu hoặc dự toán gói thầu được phê duyệt.

2. Nhà thầu tư vấn nước ngoài đề xuất chi phí thực hiện công việc tư vấn trên cơ sở các điều kiện, quy định, hướng dẫn trong điều khoản tham chiếu và các quy định, hướng dẫn khác trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp nhà thầu tư vấn là liên danh giữa nhà thầu trong nước và nước ngoài thì chi phí thực hiện công việc tư vấn còn được xác định trên cơ sở khối lượng công việc được phân công cụ thể cho từng nhà thầu trong nước và nước ngoài.

3. Trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng do bổ sung khối lượng công việc hợp lý dẫn tới giá ký hợp đồng vượt giá trúng thầu thì chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xem xét, quyết định nhưng phải bảo

đảm không vượt giá gói thầu, dự toán được duyệt. Trường hợp vượt giá gói thầu, dự toán được duyệt mà không dẫn đến làm tăng tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xem xét, quyết định mà không phải làm thủ tục điều chỉnh giá gói thầu, dự toán được duyệt. Trường hợp vượt tổng mức đầu tư thì phải báo cáo người quyết định đầu tư (hoặc người được ủy quyền đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định), cấp phê duyệt đồ án quy hoạch (hoặc cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng đối với các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) xem xét quyết định điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ CHI PHÍ THUÊ TƯ VẤN NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Quản lý chi phí tư vấn nước ngoài khi dự tính chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong tổng mức đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch xây dựng

1. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm xác định loại công việc tư vấn cần thuê tư vấn nước ngoài khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng làm cơ sở để xác định chi phí thuê tư vấn nước ngoài.

2. Chi phí thuê tư vấn nước ngoài phải được dự tính ngay trong tổng mức đầu tư của dự án, trong nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng làm cơ sở xác định giá gói thầu thuê tư vấn nước ngoài khi lập kế hoạch đấu thầu, dự trù và quản lý vốn theo quy định. Trường hợp thuê tư vấn nước ngoài lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chi phí thuê tư vấn nước ngoài do người được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án xác định và ghi trong kế hoạch đấu thầu của gói thầu lựa chọn tư vấn nước ngoài lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm dự tính chi phí thuê tư vấn nước ngoài. Trường hợp chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch không đủ kinh nghiệm, năng lực để dự tính chi phí thuê tư vấn nước ngoài thì thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực để thực hiện. Tổ chức tư vấn thực hiện việc dự tính chi phí thuê tư vấn nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng và pháp luật về kết quả công việc do mình thực hiện.

Điều 9. Quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài khi lựa chọn nhà thầu tư vấn nước ngoài

1. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm xác định giá gói thầu, dự toán gói thầu và tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu thuê tư vấn nước ngoài. Trường hợp chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng không đủ kinh nghiệm, năng lực thực hiện thì thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực để thực hiện. Tổ chức tư vấn thực hiện việc xác định hoặc thẩm tra chi phí thuê tư vấn nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu

tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng và pháp luật về kết quả công việc do mình thực hiện.

2. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán gói thầu trong trường hợp nhà thầu tư vấn nước ngoài được phép lập dự toán gói thầu theo cách lập dự toán tháng-người (hoặc ngày-người). Người quyết định đầu tư (hoặc người được uỷ quyền đối với các dự án, đồ án quy hoạch xây dựng do Thủ tướng Chính phủ quyết định) phê duyệt dự toán gói thầu làm cơ sở cho việc đàm phán, thương thảo ký kết hợp đồng; đối với các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, dự toán gói thầu do Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

3. Trong Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu thực hiện công việc tư vấn, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng phải quy định cụ thể các yêu cầu, tài liệu cần thiết mà nhà thầu tư vấn nước ngoài phải cung cấp phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích đánh giá đề xuất tài chính của nhà thầu.

4. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có thể yêu cầu nhà thầu tư vấn nước ngoài liên danh hoặc sử dụng nhà thầu phụ tư vấn trong nước nhằm giảm chi phí thực hiện dịch vụ tư vấn. Nhà thầu tư vấn trong nước có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết quy định trong Hồ sơ mời thầu hoặc Hồ sơ yêu cầu phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá đề xuất tài chính.

Điều 10. Quản lý chi phí đối với các tổ chức tư vấn nước ngoài được thuê

1. Nhà thầu tư vấn nước ngoài (và nhà thầu tư vấn trong nước trong trường hợp liên danh hoặc làm thầu phụ cho nhà thầu tư vấn nước ngoài) có trách nhiệm cung cấp đủ các tài liệu liên quan đến đề xuất chi phí thực hiện công việc tư vấn (đề xuất tài chính) của mình trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng đã quy định trong Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu.

2. Các tài liệu do nhà thầu tư vấn cung cấp bảo đảm tính trung thực, chính xác và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch. Trường hợp cần thiết chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu bổ sung, làm rõ.

3. Mức lương tháng (hoặc ngày, giờ) của chuyên gia tư vấn nước ngoài do nhà thầu đề xuất phải phù hợp với mặt bằng tiền lương tư vấn trong khu vực hoặc nước mà chuyên gia đăng ký quốc tịch và tương ứng với trình độ, năng lực của chuyên gia. Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chứng minh mức lương đã đề xuất trên bằng những tài liệu thích hợp (tài liệu xác nhận của kiểm toán, hợp đồng tương tự...).

4. Chi phí khác của chuyên gia nước ngoài tại Việt Nam phải được xác định phù hợp với giá thị trường và các quy định của nhà nước Việt Nam có liên quan, phù hợp với yêu cầu cần thiết phục vụ việc thực hiện công tác tư vấn.

5. Mức lương tháng (hoặc ngày, giờ) của chuyên gia tư vấn trong nước (trong trường hợp liên danh hoặc làm thầu phụ cho nhà thầu tư vấn nước ngoài) căn cứ theo mức lương thực tế, các khoản chi phí xã hội, chi phí quản lý, lợi nhuận, các phụ cấp khác trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc xác nhận của cơ quan thuế, tài chính hoặc hợp đồng tương tự đã hoặc đang thực hiện trong năm gần nhất và mức trượt giá tiền lương hàng năm nhưng không thấp hơn mức tiền lương của chuyên gia Việt Nam làm việc theo các hợp đồng với nhà thầu quốc tế đã trúng thầu tại Việt Nam hoặc mức tiền lương tư vấn trong nước làm việc cho các dự án sử dụng vốn ODA theo hướng dẫn hiện hành của nhà nước.

Điều 11. Quản lý chi phí khi thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài độc lập

1. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm tổ chức xác định và phê duyệt dự toán chi phí thuê chuyên gia độc lập để làm cơ sở đánh giá, lựa chọn thuê chuyên gia. Dự toán chi phí thuê chuyên gia độc lập được xác định theo phương pháp tháng-người (hoặc ngày-người) trên cơ sở dự kiến về thời gian làm việc của chuyên gia, mức lương tháng (hoặc ngày) và các chi phí khác có liên quan đến việc thực hiện công việc của chuyên gia tư vấn.

2. Chuyên gia tư vấn nước ngoài độc lập có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh mức lương đề xuất (tài liệu xác nhận của kiểm toán, hợp đồng tương tự...) và các tài liệu khác có liên quan cho chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch xây dựng làm cơ sở cho việc đánh giá, lựa chọn chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện công việc tư vấn.

3. Trường hợp chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập quy hoạch xây dựng sử dụng tổ chức tư vấn trong nước và cho phép tổ chức tư vấn trong nước được sử dụng chuyên gia tư vấn nước ngoài tham gia thực hiện các công việc tư vấn thì chi phí thuê chuyên gia tư vấn nước ngoài được xác định như dự toán chi phí thuê chuyên gia độc lập nêu trên. Chi phí thuê tổ chức tư vấn trong nước xác định bằng dự toán tháng-người (hoặc ngày-người) theo hướng dẫn hiện hành của Nhà nước cho công việc tư vấn đó.

Điều 12. Quản lý giá hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài

1. Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần thuê tư vấn nước ngoài, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch có thể lựa chọn loại hợp đồng, phương thức thanh toán phù hợp theo các hướng dẫn và quy định hiện hành của nhà nước.

2. Hợp đồng ký kết với nhà thầu tư vấn nước ngoài cần phải quy định rõ điều kiện, phương thức thanh toán và hồ sơ thanh toán. Các trường hợp được phép điều chỉnh, bổ sung khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng cần phải được thể hiện trong hợp đồng ký kết với nhà thầu tư vấn nước ngoài.

3. Chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch có trách nhiệm thực hiện việc kiểm soát chi phí để bảo đảm các khoản thanh toán cho nhà thầu tư vấn nước ngoài, nhà thầu liên danh và nhà thầu phụ trong nước tuân thủ đúng các quy định trong hợp đồng và giám sát quá trình thực hiện hợp đồng thuê tư vấn nước ngoài, đảm bảo tiến độ, khối lượng và chất lượng sản phẩm của dịch vụ tư vấn xây dựng theo hợp đồng đã ký kết.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13 . Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 và thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BXD ngày 02/11/2007 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam. Các trường hợp đã hoặc đang thực hiện theo Thông tư số 09/2007/TT-BXD trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không bắt buộc thực hiện theo Thông tư này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị các Tổng Công ty nhà nước, các Tập đoàn kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Công báo, Website của Chính phủ, Website BXD;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc BXD;
- Lưu: VP, Vụ PC, VKT, Vụ KTXD (S).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



* Trần Văn Sơn

Phụ lục
(Kèm theo Thông tư số 07/2012/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2012
của Bộ Xây dựng)

**HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ THUÊ TƯ VẤN NƯỚC NGOÀI
THEO DỰ TOÁN THÁNG-NGƯỜI**

1. Nội dung dự toán tháng-người (hoặc ngày-người, giờ-người) bao gồm:

- Chi phí tiền lương chuyên gia.
- Chi phí khác.
- Thuế.
- Chi phí dự phòng.

2. Các khoản mục chi phí trên xác định như sau:

2.1. Chi phí tiền lương chuyên gia.

Chi phí tiền lương chuyên gia được xác định trên cơ sở loại chuyên gia, số lượng, thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng-người, ngày-người hoặc giờ-người) và mức tiền lương của chuyên gia; cụ thể như sau:

2.1.1. Loại, số lượng và thời gian làm việc của chuyên gia: xác định trên cơ sở khối lượng công việc yêu cầu, tiến độ thực hiện được dự kiến để hoàn thành nhiệm vụ tư vấn được thể hiện trong Đề cương phương án thực hiện công việc tư vấn hoặc Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu thực hiện dịch vụ tư vấn.

2.1.2. Mức tiền lương chuyên gia nước ngoài: bao gồm mức lương cơ bản của chuyên gia và các khoản chi phí có liên quan như chi phí xã hội, chi phí quản lý và lợi nhuận của tổ chức tư vấn.

- Mức lương cơ bản của chuyên gia là mức lương thực tế để trả cho chuyên gia tương ứng thời gian làm việc của chuyên gia theo tháng (hoặc ngày, giờ). Mức lương cơ bản của chuyên gia căn cứ báo cáo kết quả hoạt động tài chính của tổ chức tư vấn thực hiện trong những năm liên kế đã được kiểm toán, hoặc trong các hợp đồng thực hiện công việc có tính chất tương tự đã thực hiện hoặc các quy định khác có liên quan.

- Chi phí xã hội là khoản chi phí liên quan đến trách nhiệm đóng góp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghỉ phép, nghỉ ốm, bảo hiểm và một số khoản chi phí khác liên quan theo quy định của từng tổ chức tư vấn và của từng quốc gia. Chi phí xã hội tính bằng tỉ lệ % trên mức lương cơ bản của chuyên gia. Chi phí xã hội căn cứ theo quy định của nước mà tư vấn nước ngoài đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc dự tính trên cơ sở các hợp đồng thực

hiện công việc thuê tư vấn nước ngoài có tính chất tương tự đã hoặc đang thực hiện.

- Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của tổ chức tư vấn nước ngoài (bao gồm chi phí thuê văn phòng, lương bộ phận quản lý, thông tin liên lạc và các chi phí quản lý khác). Chi phí quản lý tính bằng tỉ lệ % mức lương cơ bản của chuyên gia. Chi phí quản lý xác định căn cứ báo cáo kết quả hoạt động tài chính của tổ chức tư vấn thực hiện trong những năm liên kế đã được kiểm toán, hoặc trong các hợp đồng thực hiện công việc có tính chất tương tự đã thực hiện.

- Lợi nhuận của tổ chức tư vấn là khoản chi phí dự tính để đảm bảo sự phát triển của tổ chức tư vấn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Lợi nhuận xác định theo tỉ lệ % của tổng mức lương cơ bản, chi phí xã hội và chi phí quản lý của chuyên gia.

- Trường hợp chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch tổ chức lập dự toán gói thầu (theo cách xác định dự toán thặng-người) thì mức lương cơ bản chuyên gia, chi phí xã hội, chi phí quản lý và lợi nhuận xác định trên cơ sở tham khảo các dự án sử dụng tư vấn nước ngoài tại Việt Nam có tính chất tương tự hoặc các nguồn tài liệu khác phù hợp.

- Trường hợp nhà thầu tư vấn lập dự toán gói thầu trình chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch tổ chức thẩm tra, thẩm định thì mức lương cơ bản chuyên gia, chi phí xã hội, chi phí quản lý và lợi nhuận xác định theo khoản 3 Điều 10 của Thông tư này.

2.1.3. Mức lương chuyên gia trong nước: bao gồm mức lương cơ bản của chuyên gia và các khoản chi phí khác bao gồm chi phí xã hội, chi phí quản lý và lợi nhuận của tổ chức tư vấn (Thu nhập chịu thuế tính trước).

- Trường hợp chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch tổ chức lập dự toán gói thầu (theo cách xác định dự toán thặng-người), mức lương cơ bản của chuyên gia căn cứ trên quy định của nhà nước đối với chuyên gia làm việc với nhà thầu, tổ chức nước ngoài, các dự án sử dụng vốn ODA hoặc tham khảo các dự án có tính chất tương tự. Trường hợp nhà thầu tư vấn lập dự toán gói thầu trình chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch tổ chức thẩm tra, thẩm định thì mức lương cơ bản chuyên gia xác định theo khoản 5 Điều 10 của Thông tư này.

- Chi phí xã hội bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản chi phí khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí quản lý căn cứ các quy định, hướng dẫn của nhà nước về lập dự toán chi phí tư vấn.

- Lợi nhuận của tổ chức tư vấn (thu nhập chịu thuế tính trước) căn cứ trên quy định, hướng dẫn của Nhà nước về lập dự toán chi phí tư vấn và được xác định theo tỉ lệ % của mức lương cơ bản của chuyên gia, chi phí xã hội và chi phí quản lý.

2.2. Các khoản chi phí khác:

Bao gồm chi phí hỗ trợ cho chuyên gia, các chuyến bay quốc tế, chi phí đi lại của chuyên gia, chi phí thông tin liên lạc, chi phí thiết bị văn phòng, chi phí văn phòng làm việc tại Việt Nam, các chi phí khác (nếu có) và được xác định như sau:

- Chi phí hỗ trợ cho chuyên gia nước ngoài trong thời gian ở Việt Nam gồm chi phí thuê nhà ở (hoặc thuê khách sạn) và các hỗ trợ khác (nếu có). Các chi phí này xác định trên cơ sở thời gian chuyên gia thực hiện nhiệm vụ tư vấn tại Việt Nam và giá thị trường hoặc tham khảo các dự án tương tự.

- Chi phí cho các chuyến bay quốc tế được xác định trên cơ sở số lượng các chuyến bay dự kiến kế hoạch huy động nhân sự tư vấn và nhu cầu thực hiện công việc. Giá vé máy bay xác định trên cơ sở giá thị trường hạng phổ thông và phù hợp với tuyến bay dự kiến.

- Chi phí đi lại của chuyên gia ở Việt Nam được xác định trên cơ sở loại phương tiện sử dụng, số lượng (chuyến, ngày) phương tiện sử dụng dự kiến phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ tư vấn. Giá thuê các phương tiện căn cứ trên cơ sở giá thị trường.

- Chi phí thông tin liên lạc (điện thoại, fax, internet, bưu kiện...) trong nước và quốc tế (nếu có) được xác định theo thời gian thực hiện dịch vụ tư vấn và giá thị trường.

- Chi phí thiết bị văn phòng tại Việt Nam xác định trên cơ sở giá khấu hao thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, photocopy, bàn ghế làm việc...) cần thiết trang bị đáp ứng nhu cầu làm việc của tư vấn và giá các thiết bị này theo mặt bằng giá thị trường.

- Chi phí thuê văn phòng làm việc tại Việt Nam (nếu có) xác định trên cơ sở diện tích văn phòng cần thiết để bố trí chỗ làm việc của chuyên gia tư vấn, thời gian thực hiện công việc tư vấn và giá thuê văn phòng làm việc (mức trung bình) theo mặt bằng giá tại Việt Nam.

- Các chi phí khác như hội thảo, đào tạo... căn cứ theo yêu cầu cần thiết để thực hiện nhiệm vụ tư vấn. Các khoản chi phí này xác định theo yêu cầu thực tế thực hiện từng loại công việc tư vấn của từng dự án.

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn: căn cứ theo nội dung và mức bảo hiểm yêu cầu đối với từng loại công việc tư vấn.

2.3. Thuế: thực hiện theo hướng dẫn về chế độ thuế hiện hành của nhà nước Việt Nam áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam và có thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Chuyên gia tư vấn có trách nhiệm chi trả thuế thu nhập cá nhân theo quy định (không tính khoản thuế thu nhập cá nhân trong dự toán).

2.4. Chi phí dự phòng: là khoản chi phí dự tính cho những công việc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc tư vấn và yếu tố trượt giá. Chi phí dự phòng xác định tối đa không quá 10% của chi phí chuyên gia, thuế và chi phí khác.

3. Tùy theo đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của từng tổ chức tư vấn nước ngoài (hoặc trong nước), chi phí tiền lương chuyên gia có thể bao gồm một số hoặc toàn bộ các khoản chi phí tính theo mức tiền lương cơ bản của chuyên gia nêu tại điểm 2.1.2 và 2.1.3, mục 2.1 trong Phụ lục này.